

Số: 319 /BC-UBND

Khánh Hoà, ngày 19 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý III năm 2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh Khánh Hoà báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý III năm 2024 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Không có.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Không có.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã ban hành: 35 Quyết định công bố danh mục TTHC, trong đó 175 thủ tục ban hành mới, 207 thủ tục sửa đổi, bổ sung, 119 thủ tục bãi bỏ. UBND tỉnh Khánh Hoà đã tích hợp và công khai toàn bộ TTHC còn hiệu lực trên Cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC theo đúng quy định.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.03b/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ)

- TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được thực hiện công khai tại trụ sở và trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Công Dịch vụ công của tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: Không có.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của địa phương: 1.817; trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định là 1.799, số TTHC do địa phương quy định là 18 (8 cấp tỉnh, 10 cấp huyện).

- UBND tỉnh đã ban hành 27 Quyết định phê duyệt 209 quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC được phê duyệt, các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC gửi Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo quy định (2.252 quy trình đã được cập nhật trên hanhchinhcong.khanhhoa.gov.vn/dichvucong.khanhhoa.gov.vn).

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh, theo đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát 121 TTHC. Qua tổng hợp, đánh giá chất lượng rà soát, đánh giá thủ tục trọng tâm năm 2024 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND tỉnh đã tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với 6 thủ tục hành chính¹.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.04/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ).

5. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

¹ Báo cáo số 297/BC-UBND ngày 11/09/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị Công Dịch vụ công quốc gia: 234, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 234; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 234.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 225; trong đó số phản ánh, kiến nghị đã được đăng tải công khai kết quả xử lý: 189.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 7 trong hạn, 2 quá hạn.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.05b/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ)

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận là 149.420, trong đó: số mới tiếp nhận trong kỳ là: 129.594 (trực tuyến: 67.258; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 62.336); số từ kỳ trước chuyển qua: 19.826. Tỷ lệ quá hạn là 0.40 %; tỷ lệ trực tuyến là 45.01%.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 128.721; trong đó, giải quyết trước và đúng hạn: 128.239 , quá hạn: 482.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 20.699; trong đó, trong hạn: 20.333, quá hạn: 366.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.06c/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống báo cáo)

- Trong kỳ báo cáo, đã phát sinh 10.126 lượt giao dịch trên Công Dịch vụ công quốc gia. Tổng số tiền đã thanh toán (thuế, phí, lệ phí) trên Công Dịch vụ công quốc gia là 52.795.800.826 đồng.

- Trong kỳ báo cáo, đã phát sinh 44.109 lượt giao dịch trên Công Dịch vụ công tỉnh. Tổng số tiền đã thanh toán (phí, lệ phí) trên Công Dịch vụ công tỉnh là 6.628.211.210 đồng.

- Về tin nhắn tự động SMS (với 31 tình huống tin nhắn): Đã gửi 395.857 tin nhắn đến điện thoại di động của khách hàng, cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin mà cơ quan hành chính muốn gửi đến tổ chức, cá nhân trong suốt quá trình giải quyết TTHC, giảm phiền hà, giảm thời gian và chi phí đi lại cho khách hàng, góp phần nâng cao sự hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

7.1. Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ

- UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh thực hiện các nhiệm vụ nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024; Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 05/01/2024; Thông báo số 316/TB-VPCP ngày 12/7/2024 của Văn phòng Chính Phủ; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024; Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục TTHC trọng tâm năm 2024.

- Trong Quý, UBND tỉnh cũng đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính²; triển khai và đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ³; tiếp tục tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC bảo đảm 100% kết quả của các hồ sơ giải quyết TTHC được cung cấp đồng thời cả bản điện tử. Đồng thời, UBND tỉnh tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06⁴; chỉ đạo tăng cường bảo đảm an toàn thông tin trong việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư giữa CSDLQG về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo yêu cầu của Bộ Công An⁵; tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường các khó khăn trong giải quyết TTHC liên quan đến lĩnh vực đất đai⁶.

- Hiện nay, tỉnh đang triển khai Hệ thống giải quyết TTHC mới thay thế Hệ thống giải quyết TTHC hiện tại nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

² Công văn số 7579/UBND ngày 10/07/2024; Công văn số 8311/UBND- KSTT ngày 29/07/2024 của UBND tỉnh chấn chỉnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

³ Công văn số 9867/UBND-KSTT ngày 06/09/2024 của UBND tỉnh.

⁴ Công văn số 9099/UBND- KSTT ngày 16/08/2024 của UBND tỉnh;

⁵ Công văn số 9337/UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh;

⁶ Công văn số 8592/UBND ngày 05/08/2024 của UBND tỉnh;

7.2. Tình hình, kết quả triển khai các TTHC thực hiện liên thông (nếu có)

- Hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện liên thông theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 về việc công bố 04 TTHC liên thông về lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- UBND tỉnh tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính Phủ⁷.

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, theo dõi tình hình giải quyết TTHC của các cơ quan liên quan trên Phần mềm dịch vụ công liên thông và các Phần mềm chuyên ngành, kịp thời chỉ đạo xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

7.3. Về kết quả thực hiện “4 tại chỗ” tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, huyện

- Từ thực tế triển khai, UBND tỉnh Khánh Hòa nhận thấy yêu cầu này chỉ phù hợp, hiệu quả với các thủ tục như chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm mới thực hiện được tất cả các khâu từ tiếp nhận, xem xét, thẩm định, phê duyệt hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.

- Bên cạnh đó, chủ trương chung hiện nay là giảm số lượng cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cấp phó. Do đó, việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý để trực thường xuyên tại Bộ phận Một cửa để tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ, phê duyệt kết quả TTHC là rất khó khăn. Vì vậy, kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, nghiên cứu, đánh giá để điều chỉnh cho phù hợp.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.7b/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ)

7.4. Đánh giá việc giải quyết TTHC

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, theo đó việc chất lượng giải quyết TTHC căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí thành phần (theo thẩm quyền) tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong

⁷ Công văn số 7579/UBND-KSTT ngày 10/07/2024 của UBND tỉnh;

thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử kể từ ngày 25/05/2023⁸.

UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, rà soát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương việc thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của tỉnh; thực hiện công bố kết quả thực hiện trong Quý đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị tiến hành đánh giá chất lượng giải quyết TTHC⁹.

- Tỉnh đã và đang triển khai sử dụng kết quả một số chỉ tiêu của Bộ Chỉ số tại Quyết định số 766/QĐ-TTg để xác định chỉ số cải cách TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh¹⁰.

7.5. Về triển khai đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh

- UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Kế hoạch số 5283/KH-UBND ngày 16/6/2021 triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện: Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối tích hợp chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa tỉnh; triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: (1) Giấy tờ trong thành phần hồ sơ mà cá nhân, tổ chức nộp là kết quả giải quyết của thủ tục hành chính trước đó; (2) Kết quả xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; (3) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính; lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính; mở rộng việc tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính; đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ; đổi mới nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận Một cửa.

- Về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện rất sớm, kể từ năm 2016 tại Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 29/8/2016 về đẩy mạnh công tác CCHC tỉnh giai đoạn 2016-2020; qua các năm

⁸ Công văn số 4124/UBND-KSTT ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh, Công văn số 628/VPUBND-KSTT ngày 29/05/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

⁹ Công văn số 6865/UBND-KSTT ngày 25/06/2024 của UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh.

triển khai thực hiện đã đi vào nề nếp và đạt hiệu quả rất cao. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện đầy đủ quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, Thông tư số 01/2023TT-VPCP, bảo đảm nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

Theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tính đến tháng 9/2024, tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 85,24%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong kỳ đạt 81,71%.

7.6. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến thiết yếu sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh¹¹ đã hoàn thành kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đúng quy định. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã triển khai cung cấp 10/10 dịch vụ công thiết yếu Đề án 06 thuộc thẩm quyền trách nhiệm của tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay chỉ cung cấp, thực hiện 06 dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia¹²; còn lại 04 dịch vụ công đã ngừng cung cấp trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, chuyển sang thực hiện trên hệ thống phần mềm do cơ quan trung ương cung cấp tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 04¹³.

- Đối với TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương: Đã rà soát 18 TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương được công bố trên CSDLQG

¹¹ Đã thực hiện kết nối 03 dịch vụ theo quy định. Đối với dịch vụ “Lấy thông tin công dân”, Hệ thống đã khai thác, hiển thị đủ 20 trường thông tin: (1) Số định danh cá nhân; (2) Số Chứng minh nhân dân; (3) Họ, chữ đệm và tên; (4) Giới tính; (5) Dân tộc; (6) Tôn giáo; (7) Tình trạng hôn nhân; (8) Nhóm máu; (9) Ngày tháng năm sinh; (10) Nơi đăng ký khai sinh; (11) Quốc tịch; (12) Quê quán; (13) Địa chỉ thường trú; (14) Nơi ở hiện tại; (15) Cha; (16) Mẹ; (17) Vợ chồng; (18) Người đại diện; (19) Chủ hộ; (20) Số sổ hộ khẩu để phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC.

¹² gồm: Số 9 (Đăng ký khai sinh), số 10 (Đăng ký khai tử), số 11 (Đăng ký kết hôn), số 19 (Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp giấy chứng nhận), số 20 (Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe), số 22 (Cấp phiếu lý lịch tư pháp).

¹³ Gồm: “Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp” (số 23); “Đăng kí dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng” (số 21); “Liên thông Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” (số 15) và “Liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” (số 16).

về TTHC, kết quả các TTHC trên không sử dụng, xác thực, chia sẻ dữ liệu của CSDLQG về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh.

- Đối với TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của trung ương: Trên cơ sở hướng dẫn tái cấu trúc quy trình của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy trình thực hiện thủ tục cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa. UBND tỉnh sẽ triển khai thực hiện đối với các thủ tục hành chính còn lại sau khi có hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ theo Văn bản số 856/VPCP-KSTT ngày 09/02/2022 của Văn phòng Chính phủ.

Qua rà soát, hiện có 452/1.798 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của địa phương có liên quan đến thông tin trong CSDLQG về dân cư cần tra cứu, khai thác phục vụ giải quyết TTHC. Khi tiếp nhận hồ sơ các TTHC trên, công chức, viên chức một cửa của tỉnh có thể khai thác CSDL quốc gia về dân cư để tra cứu, khai thác 03 dịch vụ, gồm: Xác minh CCCD/CMND, xác minh thông tin chủ hộ, lấy thông tin công dân trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính và tổ chức, cá nhân không phải khai lại thông tin hoặc nộp lại hồ sơ, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước khai thác từ CSDLQG về dân cư.

Trong Quý III, đã phát sinh 104.471 lượt khai thác, trong đó 2.565 lượt xác minh CCCD/CMND, 676 lượt xác minh tin chủ hộ, 101.230 lượt lấy thông tin công dân. Hệ thống một cửa điện tử sẽ tự động điền thông tin khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư vào biểu mẫu thông tin chủ hồ sơ.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử và Văn bản số 2995/VPCP-KSTT ngày 16/4/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương: Quán triệt, tổ chức thi hành Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đến từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; chỉ đạo việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tuân thủ theo quy trình được quy định tại Chương II Nghị định số

45/2020/NĐ-CP, làm rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong từng quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và các hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ chuyên ngành để phản hồi cho tổ chức, cá nhân, bảo đảm việc phân công khoa học, các nội dung phản hồi chính xác, đúng thời hạn; chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao từ bản chính hoặc kiểm tra, xác thực kết quả chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; tiếp nhận, giải quyết trực tuyến dịch vụ công chứng thực bản sao từ bản chính theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện công bố danh mục các TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh (*các lĩnh vực giao thông, vận tải, lao động thương binh và xã hội, xây dựng, y tế...*)¹⁴.

Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết 9.460 hồ sơ chứng thực điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

- UBND tỉnh tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 13721/KH-UBND ngày 30/12/2020 về việc triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Theo đó, xác định rõ giải pháp và thời gian hoàn thiện các chức năng liên quan trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và các giải pháp bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; xây dựng Bộ phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết TTHC với các chức năng nghiệp vụ khoa học, đầy đủ, dễ sử dụng, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công tỉnh, Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và các hệ thống chuyên ngành, làm tiền đề thuận lợi cho việc số hóa kết quả giải quyết TTHC, phát huy có hiệu quả việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Đến nay, trên 19.300.000 kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đã được rà soát (12% kết quả đã có bản điện tử, 78% còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu số hóa, phần còn lại là các kết quả ở định dạng đặc thù khó thực hiện số hóa, thời hạn hiệu lực ngắn hoặc chưa đáp ứng các điều kiện để thực hiện số hóa. Kho quản lý dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tỉnh được cập nhật bổ sung chức năng

¹⁴ Các quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 16/08/2024, 1880/QĐ-UBND ngày 17/07/2024, 1853/QĐ-UBND ngày 12/07/2024, 1760/QĐ-UBND ngày 04/07/2024.

thống kê hồ sơ được gắn bản điện tử kết quả giải quyết, hồ sơ được số hóa; trong kỳ báo cáo, hệ thống ghi nhận 116.267 hồ sơ được lưu trữ vào Kho.

- Về khuyến khích, đẩy mạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến:

Triển khai Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 11/9/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2020, trong đó yêu cầu miễn, giảm các loại phí, lệ phí thực hiện dịch vụ công trực tuyến. UBND tỉnh Khánh Hòa trình HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành chính sách giảm mức thu phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí giao dịch trực tiếp đối với 05 khoản phí và 05 khoản lệ phí, cụ thể:

a) 05 khoản lệ phí, gồm:

- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh;

- Lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh;

- Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh;

- Lệ phí hộ tịch theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh;

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh;

b) 05 khoản phí, gồm:

- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh;

- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh;

- Phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh;

- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh.

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh.

Đến nay, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, UBND tỉnh Khánh Hòa đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/06/2024 về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dịch vụ công trực tuyến khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, theo đó miễn 100% đối với mức thu các khoản phí, lệ phí nêu trên. UBND tỉnh cũng đã ban hành, các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện việc miễn 100% các khoản phí, lệ phí đối với 101 TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết trên¹⁵.

- Tình hình tích hợp dịch vụ công của UBND tỉnh Khánh Hòa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

Trong kỳ báo cáo, tỉnh không phát sinh số liệu về kiểm thử, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tính đến nay, tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện kiểm thử, tích hợp 1.098 dịch vụ công trực tuyến (547 DVCTT toàn trình, 549 DVCTT một phần) lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(Chi tiết kèm biểu mẫu số II.8/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ trên Hệ thống báo cáo)

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC (Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC)

Công tác truyền thông luôn được tỉnh quan tâm, triển khai quyết liệt, đồng bộ, tập trung chuyển tải những trọng tâm và quyết tâm CCHC của tỉnh; tiếp tục củng cố, tăng cường sự ủng hộ của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác CCHC; hướng đến thống nhất nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC, các dịch vụ công trực tuyến bằng hình thức trực quan, trên cổng/trang thông tin điện tử, thông qua các hội nghị, hội thảo, đối thoại, báo, đài,... Thống

¹⁵ Công văn số 6885/UBND-KSTT ngày 25/06/2024 của UBND tỉnh.

nhất tuyên truyền trực quan tại Bộ phận Một cửa các khẩu hiệu: “Sự hài lòng của Nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”; “Dân chủ, nhanh gọn, đúng luật”; “Hãy nộp hồ sơ điện tử để giảm giấy tờ, thời gian và chi phí”...

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành triển khai sử dụng bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa các cấp và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 4003/UBND-KSTT ngày 06/5/2022, cụ thể:

+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh đã sử dụng bộ nhận diện thương hiệu thống nhất theo quy định.

+ 100% BPMC của tỉnh đã sử dụng bộ nhận diện thương hiệu thống nhất. Trong đó, cấp tỉnh là 1 (Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh); cấp huyện là 8; cấp xã là 136.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC: Không

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Hoạt động kiểm tra công tác kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính được thực hiện lồng ghép trong Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hằng năm của tỉnh; tổng hợp, báo cáo vào báo cáo định kỳ hàng năm gửi Văn phòng Chính phủ. UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, cụ thể: Kiểm tra toàn diện công tác CCHC; kiểm tra chuyên đề về việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên Phần mềm một cửa điện tử.

12. Nội dung khác:

- Về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp:

UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Kế hoạch 10562/KH-UBND ngày 31/10/2022 triển khai đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 6936/VPCP-KSTT ngày 14/10/2022 về việc đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP của Chính phủ. Trong đó, đã hoàn thành 23/31 nhiệm vụ, 8/31 nhiệm vụ đang trong quá trình thực hiện (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

- Về kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo
 Tổng số báo cáo định kỳ đã chuẩn hóa là 10.¹⁶ (Chi tiết kèm biểu mẫu số V.1/VPCP/KSTT và V.2/VPCP/KSTT của Văn phòng Chính phủ).

II. Đánh giá chung

Trong Quý III năm 2024, UBND tỉnh Khánh Hòa nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

1. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Khánh Hòa nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Các bộ, ngành đã công khai thủ tục hành chính kèm Quyết định công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia tương đối đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc công bố danh mục và tích hợp, công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Khó khăn:

- Về cập nhật Quyết định công bố TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, vẫn còn tình trạng một số bộ, ngành, ban hành, cập nhật Quyết định công bố TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC chưa kịp thời (*về tên TTHC, mã số TTHC*)¹⁶.

- Về công bố thủ tục hành chính của một số bộ, ngành Trung ương còn nhiều bất cập, cụ thể: thẩm quyền giải quyết TTHC được công bố tại Quyết định công bố TTHC và công khai trên CSDL TTHC không thống nhất, không đúng thẩm quyền¹⁷, quy định trình tự thời gian thực hiện TTHC chưa thống nhất giữa quyết định công bố TTHC với các văn bản QPPL quy định các nội dung liên quan đến việc giải quyết TTHC¹⁸ ... gây khó khăn, lúng túng cho địa phương trong quá trình

¹⁶ Quyết định 491/QĐ-BNV ngày 10/07/2024 của Bộ Nội vụ công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ. tuy nhiên không công bố mã số các TTHC mới ban hành tại Quyết định: Quyết định 2124/QĐ-UBND của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố TTHC trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được ban hành ngày 01/08/2024 tuy nhiên được công khai, cập nhật trên CSDL TTHC ngày 21/08/2024.

¹⁷ Các TTHC: Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài (Mã TTHC: 1.005143); Xét, cấp học bổng chính sách (Mã TTHC: 1.002407); Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (Mã TTHC: 1.001714); Đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên (Mã TTHC: 1.005144); Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Mã TTHC: 1.005090); Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (Mã TTHC: 1.005092); Chinh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (Mã TTHC: 2.001914); Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa: được công bố là TTHC cấp tỉnh, tuy nhiên theo văn bản quy phạm pháp luật và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh và cấp huyện.

¹⁸ TTHC Cải chính hộ tịch: Theo Quyết định công bố TTHC số 1079/QĐ-BTP ngày 11/06/2024 của Bộ Tư pháp thời gian giải quyết TTHC trên là: “ 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.”. Tuy nhiên theo Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ

tổ chức thực hiện nhất là đối với việc xây dựng quy trình nội bộ để thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC trên hệ thống giải quyết TTHC cũng như thực hiện công bố danh mục TTHC đúng thời hạn.

- Việc kết nối phần mềm chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải (hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến vận tải đường bộ, cấp đổi giấy phép lái xe...) với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh gặp khó khăn vì hệ thống của Bộ vẫn chưa hoàn thành kết nối với trực liên thông NGSP dẫn đến chưa cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật để phục vụ cho việc kết nối, tích hợp 2 hệ thống¹⁹.

- Hiện nay, các cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thực hiện tiếp nhận, xử lý việc đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh trên cả 02 hệ thống: Hệ thống thông tin quốc gia (Hệ thống thông tin đăng ký hộ kinh doanh) và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Vẫn còn bộ, ngành chưa công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành Trung ương đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, do đó địa phương chưa thể triển khai đồng bộ²⁰.

- Hầu như các bộ, ngành vẫn chưa ban hành danh mục thành phần hồ sơ TTHC cần phải số hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Văn phòng Chính phủ, do đó địa phương không có cơ sở để xác định danh mục thành phần hồ sơ TTHC cần phải số hóa thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương²¹.

- Việc thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia còn một số hạn chế trong việc đồng bộ trạng thái, chậm hoặc không đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh dẫn tới địa phương phải lấy thủ công chứng từ thanh toán trên hệ thống quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia để tiếp tục xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Phân hệ quản lý yêu cầu hỗ trợ trên hệ thống quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia thường xuyên lỗi kỹ thuật, các yêu cầu cung cấp danh sách hồ sơ chi tiết của Bộ Chỉ số chưa được cung cấp mặc dù hiện thị trạng thái đã xử lý xong; gây khó khăn cho địa phương trong quá trình sử dụng.

tịch quy định: “Đối với việc đăng ký hộ tịch phải tiến hành xác minh theo quy định của Luật Hộ tịch và Nghị định này thì thời gian gửi văn bản yêu cầu và thời gian trả lời kết quả không tính vào thời hạn giải quyết việc hộ tịch cụ thể”.

¹⁹ Dữ liệu hồ sơ TTHC trên hệ thống chuyên ngành của bộ chưa đồng bộ về hệ thống tỉnh.

²⁰ Còn một số bộ, ngành chưa ban hành danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý đủ điều kiện thực hiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình như: Tư pháp; Ngoại vụ...

²¹ Hiện chỉ có Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý.

- Chức năng thống kê trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị Công Dịch vụ Công quốc gia còn chưa đáp ứng, phù hợp với các nội dung, biểu mẫu báo cáo về công tác kiểm soát TTHC, công tác cải cách TTHC định kỳ; không thống nhất trong cách thống kê xác định phản ánh kiến nghị quá hạn; không chuyên được phản ánh kiến nghị đến đơn vị xử lý phản ánh kiến nghị cấp xã²². Ngoài ra, hiện nay không có chức năng xử lý đối với các phản ánh kiến nghị không đủ điều kiện giải quyết, phải yêu cầu bổ sung nhưng công dân không thực hiện bổ sung dẫn đến không đủ điều kiện giải quyết theo quy định; một số phản ánh kiến nghị đã gửi từ năm 2022 đến nay nhưng không có chức năng xử lý và vẫn tồn tại ở tài khoản địa phương.

III. Phương hướng nhiệm vụ kỳ tiếp theo

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ được Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh Khánh Hòa có một số đề xuất, kiến nghị sau:

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các bộ, ngành Trung ương chuẩn hóa việc công bố TTHC; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác nội dung các TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC; khắc phục tình trạng cập nhật chậm trễ, không đầy đủ mã số TTHC được công bố tại các Quyết định công bố TTHC dẫn đến tình không thể công khai TTHC đúng hạn, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến (nhất là các dịch vụ công thiết yếu) sớm hướng dẫn địa phương tạo lập, sử dụng danh mục

²² Hệ thống Phản ánh kiến nghị: không thống kê được lĩnh vực phản ánh kiến nghị; không thống kê phân loại được số lượng phản ánh kiến nghị đã chuyển cơ quan khác xử lý, đã từ chối, đề nghị bổ sung phản ánh kiến nghị.

dùng chung của Công Dịch vụ công quốc gia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; đặc biệt quan tâm nâng cấp nền tảng thanh toán Công Dịch vụ công quốc gia.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan như: Quy định mẫu kết quả thủ tục hành chính điện tử (theo các văn bản pháp luật chuyên ngành tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư); hướng dẫn việc cấp bản sao điện tử từ sổ gốc theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; hướng dẫn công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ cung cấp dữ liệu cụ thể Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các phòng, ban của huyện; UBND cấp xã để địa phương theo dõi, đánh giá.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ rà soát, bảo đảm phân hệ tạo yêu cầu hỗ trợ trên hệ thống quản trị Công Dịch vụ công quốc gia hoạt động ổn định để địa phương thuận tiện trong quá trình sử dụng.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính không quy định thời gian giải quyết để đảm bảo 100% các hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận giải quyết tại các cơ quan, đơn vị được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, tỉnh để địa phương thuận tiện trong quá trình triển khai, thực hiện²³.

- Đề nghị Văn phòng Chính phủ điều chỉnh, hoàn thiện công cụ thống kê trên Hệ thống PAKN của quốc gia để đảm bảo công tác thống kê chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong công tác theo dõi, báo cáo theo quy định.

- Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ sớm ban hành danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành, quy định bổ sung các

²³ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

trường dữ liệu thông tin phải nhập (ngoài 6 trường tối thiểu theo quy định) để phục vụ chia sẻ, tái sử dụng giữa các hệ thống của tỉnh và của trung ương.

- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các nhà mạng viễn thông hỗ trợ người dân cập nhật thông tin căn cước công dân để thuận tiện trong việc đăng ký tài khoản dịch vụ công, thực hiện các TTHC.

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc nhằm đảm bảo sự phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các chính sách mới liên quan đến vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Đề nghị Bộ Công an tiếp tục hoàn thiện hệ thống nộp hồ sơ TTHC qua tài khoản VNeID để công dân dễ dàng xác thực khi nộp hồ sơ TTHC; tự động thêm trường dữ liệu bắt buộc nhập số điện thoại và địa chỉ khi nộp hồ sơ trực tuyến qua VNeID, để UBND cấp xã thuận tiện trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

UBND tỉnh Khánh Hòa kính báo cáo.

(Đính kèm các Phụ lục)./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, LH, PT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

PHỤ LỤC**Báo cáo nhiệm vụ tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ***(Kèm theo Báo cáo số 319 /BC-UBND ngày 19 tháng 09 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

Stt	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn Hoàn thành	Sản phẩm	Nội dung báo cáo đã triển khai
I	Về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh					
1.	Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Giai đoạn 2023-2025	Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh (<i>lần 1: trước ngày 01/01/2024; lần 2: trước ngày 01/01/2025</i>).	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện thống kê, rà soát TTHC nội bộ theo Kế hoạch. Đến Quý III/2024, UBND tỉnh đã công bố 18 TTHC nội bộ trong tỉnh Khánh Hòa (Tại các Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 18/07/2023, Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 12/04/2023, Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 28/03/2023, Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 14/09/2023,

						<p>Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 09/11/2023, Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 27/06/2024, Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 12/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>- 02 TTHC nội bộ đã được phê duyệt và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa (Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 và Quyết định 3134/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>
2.	Tổ chức thực thi phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan.	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	Sau khi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022	Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính được thực thi trên địa bàn tỉnh.	Về phân cấp trong giải quyết TTHC, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 ¹ về <i>Đề án đẩy mạnh phân cấp</i> cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong. Theo đó, Nghị quyết đề xuất phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC một số lĩnh vực: Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du

¹ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

				của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành.		lịch; Thông tin và Truyền thông; Dân tộc; Ngoại vụ; Khoa học và Công nghệ; Nội vụ...
3.	<p>Quản lý, vận hành và phát triển Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.</p> <p>Cập nhật đầy đủ, chính xác và công khai kịp thời quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, kết quả rà soát, chi phí tuân thủ, phương án cắt giảm, đơn giản hóa; thực hiện tham vấn các tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động về chính sách, quy định; tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, phản hồi, cập nhật kết quả xử lý đối với ý kiến góp ý, vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân về chính sách, quy định thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết và công khai</p>	Các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan.	Văn phòng UBND tỉnh	Sau khi có hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.	Các quy định được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và công khai; các quy định dự kiến ban hành và dự thảo phương án cắt giảm, đơn giản hóa được tham vấn người dân, doanh nghiệp (có tiếp thu, giải trình); các vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân được tiếp nhận và phản hồi trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh	Đang chờ hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

	trên Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.					
4.	Nâng cao chất lượng thẩm định quy định về thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chỉ ban hành và duy trì những thủ tục hành chính, quy định thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất; kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, giảm tối đa số lượng văn bản này theo đúng yêu cầu của Nghị quyết 68/NQ-CP.	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Quy định thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được ban hành bảo đảm sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất.	Trong quý III năm 2024, tỉnh Khánh Hòa không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính.
5.	Theo dõi, hướng dẫn và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Thường xuyên	Các văn bản hướng dẫn và đôn đốc việc triển khai; công khai kết quả đánh giá nỗ lực cải cách quy định trên Công tham vấn	UBND tỉnh thường xuyên ban hành các văn bản đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

	hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, thực thi phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước.				và tra cứu quy định kinh doanh, Công Thông tin điện tử tỉnh theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.	tập trung rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền loại bỏ những thủ tục hành chính đang là rào cản cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC ²
II Về nâng cao hiệu quả thực thi thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp						
6.	Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.	05/11/2022	100% thủ tục hành chính được công bố, công khai đầy đủ, đúng hạn và 100% các hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết tại các cơ quan, đơn vị được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia.	Đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024. Theo đó, 100% thủ tục hành chính được công bố, công khai đầy đủ, đúng hạn và 100% các hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết tại các cơ quan, đơn vị được theo dõi trạng thái xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hiện tại toàn tỉnh công bố, công khai 1.781 TTHC 3 cấp tỉnh, huyện, xã.

² Công văn số 9863/UBND-KSTT ngày 06/09/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kết luận Phiên họp thứ tám của Ban chỉ đạo CCHC Chính phủ; Công văn số 8780/UBND- KSTT ngày 08/08/2024 của UBND tỉnh thực hiện Thông báo số 362/TB-VPCP ngày 05/8/2024 của Văn phòng Chính Phủ.

7.	Khẩn trương hoàn thành việc chuẩn hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, làm cơ sở để xác định mã loại giấy tờ, kết nối, chia sẻ, sử dụng thống nhất trong toàn quốc.	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Theo tiến độ của các cơ quan trung ương.	Danh mục kết quả chuẩn hóa được cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ.	Tỉnh đã rà soát, cập nhật 03 mã kết quả TTHC đặc thù (KQ.H32.000003, KQ.H32.000002, KQ.H32.000001) trên cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính theo đúng quy định. Tỉnh đã hoàn thành đồng bộ danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ cơ sở dữ liệu quốc gia thủ tục hành chính theo quy định; trong quý III năm 2024 tỉnh có 6.181 hồ sơ được khai thác, tái sử dụng dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. ³
8.	Tổ chức kiện toàn bộ phận một cửa các cấp, triển khai Bộ nhận diện thương hiệu theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng yêu cầu của nền hành chính phục vụ.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 15/12/2022	Bộ phận một cửa các cấp được kiện toàn theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và hoàn thành triển khai Bộ nhận diện thương hiệu trên toàn quốc.	UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3965/UBND-KSTT ngày 25/04/2023 chỉ đạo kiện toàn Bộ phận Một cửa cấp xã trên địa bàn tỉnh bảo đảm bố trí người thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC tại BPMC cấp xã theo đúng quy định. Kết quả 8/8 huyện đã hoàn thành việc kiện toàn BPMC cấp xã đảm bảo quy định pháp luật
9.	Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính,	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	Trong Quý III/2024, UBND tỉnh Khánh Hòa tiếp tục ban hành các văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ

³ Số liệu trích xuất từ Cổng Dịch vụ công quốc gia ngày 21/09/2024;

	dịch vụ công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo đúng quy định cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có hành vi những nhiều, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc để chậm, muộn nhiều lần.	xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn			được thực hiện nghiêm theo quy định.	các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính, chấp hành, kỷ cương, kỷ luật hành chính; kịp thời tổng hợp các khó khăn vướng mắc của các địa phương, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành lĩnh vực đất đai, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường ⁴ . Chỉ đạo các cơ quan đơn vị, liên quan thực hiện các nhiệm vụ theo Kết luận thanh tra số 07/KT-TTT ngày 28/06/2024 của Thanh tra tỉnh về việc thanh tra chuyên đề trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. ⁵
10.	Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan	Thường xuyên	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Không yêu cầu người dân cung cấp	Đã hoàn thành tiến độ. Trong đó: - Đối với cấp tỉnh: Thực hiện đầy đủ quy trình số hóa theo quy định từ ngày 01/6/2022. - Đối với cấp huyện: Từ 01/6/2022, bảo đảm 100% kết quả thẩm tra, xác minh và kết quả trả lời của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; kết quả giải quyết

⁴ Công văn số 8311/UBND-KSTT ngày 29/07/2024 của UBND tỉnh; Công văn số 8592/UBND-KSTT ngày 05/08/2024 của UBND tỉnh.

⁵ Công văn số 7938/UBND-KSTT ngày 19/07/2024 của UBND tỉnh.

					<p>giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo đúng quy định.</p>	<p>của TTHC phải được ký số, cập nhật theo quy định trên Hệ thống. Thực hiện đầy đủ quy trình số hóa theo quy định từ ngày 01/12/2022. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, thực hiện đầy đủ quy trình số hóa từ ngày 01/7/2022.</p> <p>- Đối với cấp xã: Từ 01/6/2022, bảo đảm 100% kết quả thẩm tra, xác minh và kết quả trả lời của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; kết quả giải quyết của TTHC phải được ký số, cập nhật theo quy định trên Hệ thống</p> <p>Thực hiện đầy đủ quy trình số hóa theo quy định từ ngày 01/6/2023. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, thực hiện đầy đủ quy trình số hóa từ ngày 01/7/2022.</p> <p>- Đến tháng 9/2024, tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 85,24%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của tỉnh trong kỳ đạt 81,71%.</p>
--	--	--	--	--	--	---

11.	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cung cấp đồng thời cả bản điện tử có đầy đủ giá trị pháp lý cho người dân, doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	100% hồ sơ giải quyết được cung cấp đồng thời cả bản điện tử có giá trị pháp lý.	Hiện tại 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thực hiện ký số hồ sơ, văn bản trên hệ thống quản lý văn bản điều hành (E.office). Do đó, các TTHC đều đã thực hiện trên môi trường điện tử và được cung cấp bản điện tử.
12.	Rà soát, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan	Tháng 11/2022, chậm nhất tháng 03/2023.	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu đề ra.	Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa là Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung duy nhất của tỉnh từ năm 2018. Hiện tỉnh đang triển khai Hệ thống mới thay thế Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh hiện tại nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian: Quý IV năm 2024.
13.	Thiết lập, nâng cấp, hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trong Hệ thống thông tin giải	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan	Tháng 11/2022, chậm nhất tháng 03/2023	Hình thành kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục	Tỉnh đã hoàn thành thiết lập kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông

<p>quyết thủ tục hành chính của tỉnh phục vụ việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.</p> <p>Hoàn thành kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa trong toàn quốc thống nhất, hiệu quả.</p>				<p>hành chính cấp tỉnh; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu với Kho dữ liệu điện tử, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia</p>	<p>tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh⁶</p> <p>Hiện đang rà soát, nâng cấp, hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.</p>
---	--	--	--	--	--

⁶ (khodulieu.hanhchinhcong.khanhhoa.gov.vn)

14.	Chủ động phối hợp kiểm tra, đánh giá an toàn hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và chỉ đạo triển khai giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng để kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo tiến độ của Đề án 06	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh ⁷ đã hoàn thành kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.
15.	Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính.	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành rà soát, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính để bảo đảm 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết có thông tin, dữ liệu tại Hệ thống thông tin giải quyết	Đến nay, 100% TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ để xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

⁷ Đã thực hiện kết nối 03 dịch vụ theo quy định. Đối với dịch vụ “Lấy thông tin công dân”, Hệ thống đã khai thác, hiển thị đủ 20 trường thông tin: (1) Số định danh cá nhân; (2) Số Chứng minh nhân dân; (3) Họ, chữ đệm và tên; (4) Giới tính; (5) Dân tộc; (6) Tôn giáo; (7) Tình trạng hôn nhân; (8) Nhóm máu; (9) Ngày tháng năm sinh; (10) Nơi đăng ký khai sinh; (11) Quốc tịch; (12) Quê quán; (13) Địa chỉ thường trú; (14) Nơi ở hiện tại; (15) Cha; (16) Mẹ; (17) Vợ chồng; (18) Người đại diện; (19) Chủ hộ; (20) Số sổ hộ khẩu để phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

					thủ tục hành chính của tỉnh.	
16.	<p>Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.</p> <p>Trong đó, các sở, ban, ngành thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ (theo hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ) để xây dựng hoặc hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến, tích hợp, cung cấp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi theo dõi, quản lý theo ngành, lĩnh vực bảo đảm nguyên tắc lấy người dùng là trung tâm.</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Thường xuyên</p>	<p>Các dịch vụ công, thanh toán trực tuyến được thúc đẩy.</p> <p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 9601/UBND-KSTT ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p>	<p>Tính đến nay, tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện kiểm thử, tích hợp 1.098 dịch vụ công trực tuyến (547 DVCTT toàn trình, 549 DVCTT một phần) lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>- Trong kỳ báo cáo, đã phát sinh 10.126 lượt giao dịch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tổng số tiền đã thanh toán (thuế, phí, lệ phí) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 52.795.800.826 đồng; đã phát sinh 44.109 lượt giao dịch trên Cổng Dịch vụ công tỉnh. Tổng số tiền đã thanh toán (phí, lệ phí) trên Cổng Dịch vụ công tỉnh là 6.628.211.210 đồng.</p>
17.	<p>Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn.</p>	<p>Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Thường xuyên</p>	<p>100% hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận chính thức hoặc từ chối tiếp nhận, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn tám giờ làm việc</p>	<p>UBND tỉnh thường xuyên ban hành đơn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định và cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, trong quý III năm 2024 tỷ</p>

					kể từ khi hệ thống tiếp nhận theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.	lệ hồ sơ quá hạn của tỉnh là 0.40%.
18.	Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền giảm phí, lệ phí trong trường hợp thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.	Các sở, ban, ngành.	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Có phương án đề xuất giảm phí, lệ phí trong trường hợp thanh toán trực tuyến.	Triển khai Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 11/9/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2020, trong đó yêu cầu miễn, giảm các loại phí, lệ phí thực hiện dịch vụ công trực tuyến. UBND tỉnh Khánh Hòa trình HĐND tỉnh Khánh Hòa ban hành chính sách giảm mức thu phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí giao dịch trực tiếp đối với 05 khoản phí và 05 khoản lệ phí, cụ thể: a) 05 khoản lệ phí, gồm: - Lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh; - Lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh; - Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc

					<p>trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none">- Lệ phí hộ tịch theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh;- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; <p>b) 05 khoản phí, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh;- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh;- Phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh;
--	--	--	--	--	---

						<p>- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh.</p> <p>- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa: Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của HĐND tỉnh.</p> <p>Đến nay, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, UBND tỉnh Khánh Hòa đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/06/2024 về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dịch vụ công trực tuyến khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, theo đó miễn 100% đối với mức thu các khoản phí, lệ phí nêu trên.</p>
19.	Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt	Các sở, ban, ngành.	Sở Thông tin và Truyền	Thường xuyên	Mẫu đơn, tờ khai được chuẩn hóa, điện tử hóa, bảo đảm cắt	Hiện nay, khi tiếp nhận hồ sơ, công chức, viên chức một cửa của tỉnh có thể khai thác CSDL quốc

	giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.		thông, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan		giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.	gia về dân cư để tra cứu, khai thác 03 dịch vụ, gồm: Xác minh CCCD/CMND, xác minh thông tin chủ hộ, lấy thông tin công dân trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính. Trong Quý III, đã phát sinh 104.471 lượt khai thác, trong đó 2.565 lượt xác minh CCCD/CMND, 676 lượt xác minh tin chủ hộ, 101.230 lượt lấy thông tin công dân. Hệ thống một cửa điện tử sẽ tự động điền thông tin khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư vào biểu mẫu thông tin chủ hồ sơ.
20.	Đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Việc ký số triển thiết bị di động được đẩy mạnh.	Đang trong quá trình thực hiện
21.	Nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với những thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định.	Đang trong quá trình thực hiện

					Báo cáo Văn phòng Chính phủ kết quả triển khai thực hiện.	
22.	Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công tại các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân, tổ chức, không để tình trạng giải quyết chậm, muộn. Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về vướng mắc, bất cập trong thực hiện thủ tục hành chính, tránh để trường hợp phản ánh,	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương. 100% hồ sơ thủ tục hành chính để chậm, muộn đều phải có báo cáo giải trình lý do với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và thực hiện xin lỗi người dân theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	Trong quý III, UBND tỉnh tiếp tục theo dõi, rà soát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương việc thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của tỉnh; thực hiện công bố kết quả thực hiện trong Quý đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị tiến hành đánh giá chất lượng giải quyết TTHC ⁸ . Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đều thực hiện công khai kết quả Bộ Chỉ số 766 trên trang thông tin, điện tử của đơn vị. Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh công khai kết

⁸ Công văn số 6865/UBND-KSTT ngày 25/06/2024 của UBND tỉnh.;

	kiến nghị kéo dài, vượt cấp.					quả Bộ Chỉ số 766 trên Công Dịch vụ công của tỉnh theo quy định. Tuy nhiên, số liệu trên bản đồ thể chế còn nhiều bất cập nên việc tích hợp và đồng bộ các dữ liệu chưa được chính xác và hoàn thiện như: cách thống kê hồ sơ quá hạn, cách tính “ngày”, “ngày làm việc”, cách tính tỷ lệ hải lòng,...
23.	Hướng dẫn việc lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ để phục vụ thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo yêu cầu của Chính phủ tại điểm a Khoản 15 Mục I Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022.	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan	Theo tiến độ của cơ quan trung ương.	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ hướng dẫn việc lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.	UBND đã triển khai việc lưu trữ hồ sơ, dữ liệu TTHC điện tử trên địa bàn tỉnh theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Văn phòng Chính phủ và Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31/08/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.
24.	Hướng dẫn Phòng Tư pháp, UBND cấp xã triển khai cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền	Theo tiến độ của cơ quan trung ương.	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện theo quy định.	Đang chờ Bộ Tư pháp hướng dẫn

	chính; các sở, ban, ngành, UBND các cấp thực hiện việc cấp bản sao điện tử từ sổ gốc để bảo đảm giá trị pháp lý của giấy tờ, tài liệu do tổ chức, cá nhân nộp qua Công Dịch vụ công của các bộ, ngành và Công Dịch vụ công tỉnh.		thông và các cơ quan có liên quan.			
25.	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11/2022	Các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp và tích hợp lên Công Dịch vụ công quốc gia.	Tính đến nay, tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện kiểm thử, tích hợp 1.098 dịch vụ công trực tuyến (547 DVCTT toàn trình, 549 DVCTT một phần) lên Công Dịch vụ công quốc gia. Trong kỳ báo cáo, tỉnh không phát sinh số liệu thực hiện kiểm thử, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Công Dịch vụ công quốc gia.
26.	Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các cơ quan có liên quan hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh, xác thực điện tử với Công Dịch vụ công	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan.	Tháng 11/2022	Các dữ liệu được kết nối, chia sẻ phục vụ xác thực, định danh và giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Đã hoàn thành triển khai tài khoản định danh điện tử trên hệ thống tỉnh theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 6511/VPCP-KSTT ngày 30/9/2022.

	quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.					
27.	<p>Phối hợp với Văn phòng Chính phủ đề xuất sửa đổi Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã cho phù hợp với tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>Văn phòng UBND tỉnh</p>	<p>Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan có liên quan.</p>		<p>Văn bản góp ý sửa đổi Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ được ban hành.</p>	<p>UBND tỉnh đã có Văn bản số 12486/UBND-KSTT ngày 15/12/2022 về việc góp ý sửa đổi Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
III	Hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp					

28.	Tiếp tục thực hiện việc kết nối, khai thác và sử dụng ngay các dịch vụ dữ liệu đã sẵn sàng cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5918/UBND-KSTT ngày 30/6/2022.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên	Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và các tiện ích cho người dân, doanh nghiệp.	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 8/17 ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)
29.	Tiếp tục thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại các cấp chính quyền, hoàn thành việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử tại chính quyền cấp xã.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh.	Thường xuyên	Văn bản, hồ sơ được gửi, nhận, xử lý trên môi trường điện tử tại tất cả các cấp (chậm nhất trước tháng 12/2023 hoàn thành việc xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử tại chính quyền cấp xã)	Đang trong quá trình thực hiện
30.	Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ	Thường xuyên	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh vận hành ổn định; bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định.	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã hết thời hạn thuê, đang trong quá trình đầu tư xây dựng

	thông tin báo cáo Chính phủ		quan có liên quan			
31.	<p>Rà soát hoàn thiện, nâng cấp phần mềm nhắc việc của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh để kết nối, tích hợp, chia sẻ với Hệ thống thông tin theo dõi nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.</p> <p>Trường hợp chưa có phân hệ hoặc phân hệ chưa đáp ứng yêu cầu thì sử dụng Hệ thống thông tin theo dõi nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước do Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thống nhất trong toàn quốc.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan.	Tháng 6/2023	Phân hệ theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được hoàn thiện, nâng cấp, kết nối, tích hợp, chia sẻ với Hệ thống thông tin theo dõi nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Đang trong quá trình thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III Năm 2024
(Từ ngày 15/6/2023 đến ngày 14/09/2024)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG:

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	A. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG									
1	UBND tỉnh Khánh Hòa	35	0	501	175	207	119	382	119	382
2	Sở Công Thương	3	0	7	4	3	0	7	0	7
3	Sở Giao thông vận tải	7	0	46	11	32	3	43	3	43
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	0	46	15	11	20	26	20	26
5	Sở Khoa học và Công nghệ	1	0	1	0	0	1	0	1	0
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1	0	3	0	3	0	3	0	3
7	Sở Nội vụ	1	0	111	58	0	53	58	53	58

8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	0	20	14	6	0	20	0	20
9	Sở Tài chính	2	0	4	2	0	2	2	2	2
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	6	0	159	71	48	40	119	40	119
11	Sở Thông tin và Truyền thông	1	0	2	0	2	0	2	0	2
12	Sở Tư pháp	5	0	46	0	46	0	46	0	46
13	Sở Y tế	3	0	24	0	24	0	24	0	24
14	Sở Văn hóa	1	0	32	0	32	0	32	0	32

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	TỔNG CỘNG	0	0	0	0	0	0	0	0	-

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương là 1.817; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định là 1.799; số TTHC do địa phương quy định là 18 (8 cấp tỉnh, 10 cấp huyện).

Biểu số IL.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2024
(Từ ngày 15/06/2024 đến ngày 14/09/2024)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT một phần			DVCTT toàn trình			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
B	ĐVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
I	Cấp tỉnh, huyện, xã	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Phần tích hợp chỉ tính trên số dịch vụ công có phát sinh hồ sơ. Trong kỳ báo cáo, tỉnh không phát sinh số liệu về kiểm thử, tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Công Dịch vụ công quốc gia. Tính đến nay, tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện kiểm thử, tích hợp 1.098 dịch vụ công trực tuyến (547 DVCTT toàn trình, 549 DVCTT một phần) lên Công Dịch vụ công quốc gia.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH,
KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ
HÀNH VI HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2024
(Từ ngày 15/06/2023 đến ngày 14/09/2024)

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý					
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)= (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10) =(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+ (15)	(14)	(15)	(16)	
1	PAKN tiếp nhận theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	234	234	0	0	234	225	225	0	0	225	9	9	0	189	
2	PAKN tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị quốc gia.	29	23	6	0	29	25	20	5	0	25	4	3	1	20	

Biểu số II.06c/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP TỈNH**

Kỳ báo cáo: Quý III Năm 2024
(Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/09/2024)

- Đơn vị báo cáo:
UBND cấp tỉnh.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	149.420	67.258	62.336	19.826	128.721	119.485	8.754	482	20.699	20.333	366
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Tỉnh	84.598	35.142	39.710	9.746	73.355	65.638	7.443	274	11.243	10.971	272
1	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	434	326	26	82	350	348	2	0	84	84	0
2	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	19	3	13	3	13	13	0	0	6	6	0
3	Quốc tịch (Bộ Tư	67	0	64	3	44	44	0	0	23	23	0

	pháp)											
4	Tổng hợp (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	8.886	6.245	2.241	400	8.297	8.248	41	8	589	581	8
5	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	16	12	1	3	13	13	0	0	3	3	0
6	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0
7	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	56	0	54	2	49	49	0	0	7	7	0
8	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	88	66	7	15	70	70	0	0	18	18	0
9	Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	37	24	6	7	33	33	0	0	4	4	0
10	Biển và hải đảo (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	5	4	0	1	4	4	0	0	1	1	0

	lịch)											
27	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Dược phẩm (Bộ Y tế)	229	167	17	45	179	179	0	0	50	50	0
29	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	6.400	3.392	1.991	1.017	4.958	4.910	48	0	1.442	1.442	0
30	Đường thủy nội địa (Bộ Giao thông vận tải)	151	5	117	29	112	112	0	0	39	39	0
31	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
34	Giám định y khoa (Bộ Y tế)	278	87	133	58	199	199	0	0	79	79	0
35	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động -	2	1	0	1	1	0	1	0	1	1	0

	Thương binh và Xã hội)											
36	Giáo dục Trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	146	62	81	3	141	138	3	0	5	5	0
37	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	2	0	2	0	1	1	0	0	1	1	0
38	Hàng Hải (Bộ Giao thông vận tải)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Hệ thống văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	231	146	80	5	228	224	4	0	3	3	0
40	Hóa chất (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	5	5	0	0	3	3	0	0	2	2	0
42	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	5	0	5	0	5	5	0	0	0	0	0

	lịch)											
53	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	7	2	5	0	7	7	0	0	0	0	0
54	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	86	0	54	32	34	0	34	0	52	52	0
55	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0
56	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	11	8	3	0	9	9	0	0	2	2	0
58	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông)	4	4	0	0	4	4	0	0	0	0	0

	nghệ)											
67	Tài chính ngân hàng (Bộ Tài chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
68	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	22	0	1	21	3	2	0	1	19	19	0
69	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	4.542	4.336	97	109	4.445	0	4.445	0	97	97	0
70	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	22	15	1	6	20	20	0	0	2	2	0
71	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	76	70	0	6	73	72	1	0	3	3	0
72	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	1.259	1.191	30	38	1.241	1.240	1	0	18	18	0
73	Thuế (Bộ Tài chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
74	Thương mại quốc tế (Bộ Công Thương)	9	7	0	2	8	8	0	0	1	1	0
75	Thủy sản (Bộ Nông	499	278	203	18	460	455	5	0	39	39	0

	ngành và Phát triển nông thôn)											
76	Tiền lương (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	2	0	1	1	2	0	2	0	0	0	0
77	Tin học - Thống kê (Bộ Tài chính)	490	490	0	0	490	0	490	0	0	0	0
78	Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ)	18	15	1	2	17	17	0	0	1	1	0
79	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	6	5	0	1	6	6	0	0	0	0	0
80	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	8	8	0	0	8	8	0	0	0	0	0
81	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	76	74	0	2	73	73	0	0	3	3	0
82	Vật liệu nông nghiệp, tiền chất thuốc nông (Bộ Công Thương)	6	2	4	0	4	4	0	0	2	2	0
83	Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng)	3	1	2	0	2	2	0	0	1	1	0

84	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	275	254	0	21	257	0	257	0	18	18	0
85	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Bộ Xây dựng)	4	0	3	1	4	4	0	0	0	0	0
86	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông)	31	28	2	1	29	29	0	0	2	2	0
87	Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
88	Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương)	11.520	11.126	392	2	11.520	11.518	2	0	0	0	0
89	Y tế Dự phòng (Bộ Y tế)	6	2	4	0	5	5	0	0	1	1	0
90	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	4	0	4	0	3	3	0	0	1	1	0
91	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Lao động - Thương binh và Xã	37	37	0	0	34	0	34	0	3	3	0

	hội)											
92	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (KHCN) (Bộ Khoa học và Công nghệ)	5	5	0	0	5	5	0	0	0	0	0
93	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công Thương)	5	3	0	2	5	5	0	0	0	0	0
94	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	21	0	21	0	17	17	0	0	4	4	0
95	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
96	Nghề thủ công mỹ nghệ (Bộ Công Thương)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
97	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
98	Báo chí (Bộ Thông tin và Truyền thông)	9	7	0	2	9	9	0	0	0	0	0

	trường)											
9	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	504	93	411	0	502	409	93	0	2	2	0
12	Công tác dân tộc (Ủy ban Dân tộc)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	9.771	200	3.520	6.051	3.856	3.673	85	98	5.915	5.878	37
14	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	132	84	30	18	122	116	2	4	10	10	0
15	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	9	0	3	6	2	2	0	0	7	7	0
17	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	8	0	3	5	3	3	0	0	5	5	0

18	Giáo dục Dân tộc (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Giáo dục Mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	3	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0
20	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Giáo dục Tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Giáo dục Trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	200	120	79	1	199	176	23	0	1	1	0
23	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	24	4	6	14	22	22	0	0	2	2	0
24	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	5	5	0	0	4	4	0	0	1	1	0
25	Hệ thống văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo	38	33	5	0	37	28	9	0	1	1	0

	dục và Đào tạo)											
26	Karaoke, Vũ trường (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	5	4	0	1	4	4	0	0	1	1	0
28	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	5	0	5	0	5	5	0	0	0	0	0
30	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	106	87	3	16	85	85	0	0	21	21	0
31	Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	13	6	0	7	6	5	1	0	7	7	0
32	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	7	0	5	2	7	7	0	0	0	0	0

33	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông)	5	4	1	0	4	4	0	0	1	1	0
36	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	12	7	5	0	12	12	0	0	0	0	0
40	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	1.176	771	182	223	957	948	8	1	219	219	0

41	Quy chế thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	85	0	15	70	85	85	0	0	0	0	0
42	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	30	12	12	6	24	24	0	0	6	6	0
43	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	11	0	11	0	11	11	0	0	0	0	0
45	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	16	0	16	0	13	13	0	0	3	3	0
46	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	4.549	3.118	1.323	108	4.426	4.036	378	12	123	123	0
47	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	637	629	2	6	629	627	1	1	8	7	1

57	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	16	0	9	7	9	9	0	0	7	7	0
58	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Thi đua - khen thưởng (Bộ Tài chính)	8	6	2	0	8	8	0	0	0	0	0
III	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp Xã	46.441	26.490	16.565	3.386	43.460	42.664	705	91	2.981	2.925	56
1	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	25.860	22.214	2.951	695	25.062	24.628	408	26	798	790	8
2	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Bảo hiểm xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	20	19	1	0	20	20	0	0	0	0	0
4	Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương	4.292	2.936	504	852	3.524	3.452	56	16	768	766	2

	Phát triển nông thôn)											
13	Người có công (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	309	3	202	104	223	221	2	0	86	86	0
14	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	13	0	10	3	11	10	1	0	2	2	0
15	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	7	0	7	0	7	7	0	0	0	0	0
17	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	86	84	2	0	84	84	0	0	2	2	0
18	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	4	3	1	0	3	3	0	0	1	1	0
19	Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	2	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III Năm 2024
(Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/09/2024)

- Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Khánh Hòa.
- Đơn vị nhận báo cáo:
Văn phòng Chính phủ.

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	382	278	75	29	379	278	75	26	215	158	29	28
1	Khám bệnh, chữa bệnh (bộ y tế) (Bộ Y tế)	18	18	0	0	18	18	0	0	7	7	0	0
2	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	33	2	15	16	30	2	15	13	39	2	19	18
3	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
4	Tổng hợp (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
5	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng (Bộ Y tế)	1	1	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0
6	Biển và hải đảo (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	2	2	0	0	2	2	0	0	6	6	0	0

7	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	6	4	2	0	6	4	2	0	0	0	0	0
8	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	5	5	0	0	5	5	0	0	5	5	0	0
9	Đất đai (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	91	69	21	1	91	69	21	1	0	0	0	0
10	Dịch vụ thương mại (Bộ Công Thương)	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0
11	Đường bộ (Bộ Giao thông vận tải)	38	38	0	0	38	38	0	0	38	38	0	0
12	Đường thủy nội địa (Bộ Giao thông vận tải)	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
13	Giám định y khoa (Bộ Y tế)	2	2	0	0	2	2	0	0	2	2	0	0
14	Hàng Hải (Bộ Giao thông vận tải)	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
15	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	14	12	1	1	14	12	1	1	0	0	0	0
16	Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp)	3	3	0	0	3	3	0	0	12	12	0	0
17	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
18	Tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	20	18	2	0	20	18	2	0	27	25	2	0
19	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	26	0	26	0	26	0	26	0	0	0	0	0

20	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	32	32	0	0	32	32	0	0	0	0	0	0
21	Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)	58	40	8	10	58	40	8	10	58	40	8	10
22	Trang thiết bị và công trình y tế (Bộ Y tế)	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
23	Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	3	3	0	0	3	3	0	0	3	3	0	0
24	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông)	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
25	Y tế Dự phòng (Bộ Y tế)	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
26	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0
27	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	4	3	0	1	4	3	0	1	3	3	0	0

Ghi chú: Tổng số TTHC theo cơ sở dữ liệu quốc gia TTHC tính theo từng cấp là 1.945. Trong đó, 1.441 TTHC cấp tỉnh, 334 TTHC cấp huyện, 170 TTHC cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Lĩnh vực chứng thực	0	0	4/12	33%
2	Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm	5/5	100%	5/5	100%
TỔNG CỘNG		5		9	

